

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Kỹ thuật cơ khí trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18/10/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ khí trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 16 ngày 08/11/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ khí trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ khí trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ khí trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 48/50 tiêu chí (chiếm 96%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Nha Trang cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ khí trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ khí trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Nha Trang;
- Website của Trung tâm;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KỸ THUẬT CƠ KHÍ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

(Kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐKĐCLGD ngày 13/11/2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)



| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------|
| | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
| Tiêu chuẩn 1 | | 4,00 | 3 | 100 |
| Tiêu chí 1.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 1.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 1.3 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 2 | | 4,00 | 3 | 100 |
| Tiêu chí 2.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 2.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 2.3 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 3 | | 3,67 | 2 | 66,67 |
| Tiêu chí 3.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 3.2 | 3 | | | |
| Tiêu chí 3.3 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 4 | | 4,00 | 3 | 100 |
| Tiêu chí 4.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 4.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 4.3 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 5 | | 3,80 | 4 | 80,00 |
| Tiêu chí 5.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.3 | 3 | | | |
| Tiêu chí 5.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.5 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 6 | | 4,29 | 7 | 100 |
| Tiêu chí 6.1 | 5 | | | |
| Tiêu chí 6.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.6 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.7 | 5 | | | |

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|------------------------------|
| | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
| Tiêu chuẩn 7 | | 4,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 7.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 7.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 7.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 7.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 7.5 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 8 | | 4,20 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 8.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 8.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 8.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 8.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 8.5 | 5 | | | |
| Tiêu chuẩn 9 | | 4,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 9.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 9.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 9.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 9.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 9.5 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 10 | | 4,17 | 6 | 100 |
| Tiêu chí 10.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 10.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 10.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 10.4 | 5 | | | |
| Tiêu chí 10.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 10.6 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 11 | | 4,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 11.1 | 4 | | | |
| Tiêu chí 11.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 11.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 11.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 11.5 | 4 | | | |

| Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
|----------------|-----------------|---------------------------|
| 4,04 | 48 | 96,00 |

Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KỸ THUẬT CƠ KHÍ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

(Kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐKĐCLGD ngày 13/11/2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Kỹ thuật cơ khí (KTCK) trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang, giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh nổi bật cần tiếp tục phát huy, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng; phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học của Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ với các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Chuẩn đầu ra của CTĐT được rà soát, điều chỉnh, cập nhật vào năm 2021 và năm 2022 theo đúng quy định và hướng dẫn của Nhà trường.

2. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần được rà soát, bổ sung, cập nhật theo kế hoạch của Nhà trường; được phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau và được phổ biến trực tiếp cho các đối tượng quan tâm trong các đợt tư vấn tuyển sinh.

3. Chương trình dạy học ngành KTCK được thiết kế dựa trên các chuẩn đầu ra. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp, góp phần đạt được chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT và được định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Cấu trúc của chương trình dạy học đã thể hiện sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

4. Triết lý giáo dục của Nhà trường được công bố chính thức; được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, giảng viên, người học để các bên liên quan trong Trường hiểu rõ và thực hiện. Tổ hợp các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy học được thiết kế nhằm đạt được chuẩn đầu ra. 100% đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành KTCK đều sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm, đã đề cập đến hoạt động tự học, tự nghiên cứu, hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Giảng viên Khoa Cơ khí sử dụng đa dạng, phù hợp các phương pháp dạy học để đạt chuẩn đầu ra. Đa số người học hài lòng và rất hài lòng về phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá của giảng viên.

5. Hệ thống các văn bản đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể, rõ ràng, bao gồm: thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập là rõ ràng. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của ngành KTCK được thiết kế đa dạng và phù hợp với từng loại học phần. Quy chế về tổ chức thi kết thúc học phần quy

định về thời gian và hình thức thi, công tác coi thi, công tác chấm thi và công bố kết quả, trong đó yêu cầu công bố điểm thi kết thúc học phần. Quy trình phức khảo thể hiện rõ ràng và thuận tiện cho người học trong hệ thống quản lý đào tạo.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT được quy hoạch, phát triển dựa trên chiến lược phát triển Trường trong các giai đoạn, đề án vị trí việc làm, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Số lượng đội ngũ giảng viên có chức danh khoa học tăng nhanh trong chu kỳ đánh giá. Tỷ lệ người học/giảng viên trong các năm học đảm bảo đúng quy định hiện hành. Khoa có đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên mạnh, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ cao. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm và điều chuyển được thực hiện theo các quy định của Trường, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, đánh giá theo các quy định của Trường. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định theo định hướng phát triển của Trường, của Khoa và nhu cầu phát triển của cá nhân giảng viên, nghiên cứu viên. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được xây dựng, triển khai thực hiện. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát, đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc được Khoa thực hiện, đánh giá theo kế hoạch công tác năm học. Các loại hình, số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được quy định cụ thể, rõ ràng. Kết quả đánh giá về số lượng, chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát từ Bộ môn, Khoa và các phòng ban liên quan. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, báo công bố nhiều bài báo trên các tạp chí khoa học WoS/SCOPUS, có nhiều tham luận trong các hội thảo khoa học nước ngoài.

7. Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa được quy hoạch và phát triển theo chiến lược phát triển Nhà trường trong từng giai đoạn. Chính sách tuyển dụng phù hợp, đảm bảo về số lượng và chất lượng để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Quy định về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên có các tiêu chí rõ ràng, được cập nhật hằng năm; được phổ biến rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa. Quy trình, công cụ, tiêu chí và các biểu mẫu về đánh giá, xếp loại năng lực đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng được phân tích làm cơ sở lập các kế hoạch và triển khai việc đào tạo bồi dưỡng hằng năm. Trong 5 năm, Trường đã đầu tư nhiều kinh phí cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, đáp ứng tốt hơn cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của đội ngũ nhân viên được xác định, được giám sát, đánh giá dựa trên kết quả công việc.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh được xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường và được công khai dưới nhiều hình thức. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được rà soát, đánh giá hằng năm. Hoạt động giám sát sự tiến bộ của người học được quy định về cơ bản đầy đủ, rõ ràng, có các đơn vị về công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, tư vấn việc làm cho người học. Môi trường tâm lý, văn hoá, học

tập thân thiện, tạo không khí thoải mái cho người học. Khuôn viên của Trường rộng rãi với nhiều cây xanh, cây cảnh, đường hoa, môi trường sư phạm sạch sẽ; “Không gian học tập mở” đẹp, đủ tiện nghi đáp ứng nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của người học. Việc kiểm tra các điều kiện an toàn được thực hiện thường xuyên.

9. Trường có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc, hội trường và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Thư viện rộng rãi, có các quy định, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ, khai thác tài nguyên thư viện; có phần mềm quản lý, theo dõi hoạt động thư viện hiện đại (KIPOS). Tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật, cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của CTĐT. Hệ thống phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị và vật liệu đáp ứng với giảng dạy và thực hành cho sinh viên. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, hạ tầng và các phần mềm hỗ trợ có bản quyền, đầy đủ, được duy tu, bảo dưỡng và đầu tư nâng cấp hàng năm phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác lập dựa trên các quy định hiện hành; được quản lý, triển khai thực hiện bởi Trung tâm Phục vụ Trường học và giám sát thông qua các Tổ kiểm tra vệ sinh môi trường, Tổ kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm.

10. Hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT được thiết lập. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển CTDH. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT được thiết lập rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Hoạt động rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra được quy định cụ thể, rõ ràng. Giảng viên của Khoa/Bộ môn tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và cụ thể từng đối tượng của Nhà trường và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Cơ sở dữ liệu người học được thiết lập, được vận hành, quản lý bằng phần mềm Quản lý đào tạo. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học được theo dõi, giám sát, đánh giá. Nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học được phân tích, xác định các giải pháp cải tiến chất lượng. Trường đã xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu và tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 01 năm tốt nghiệp. Dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp được cập nhật. Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được ban hành, trong đó có xác định nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học. Mức độ hài lòng của người học về các lĩnh vực đào tạo, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ được khảo sát, đánh giá.

II. KIẾN NGHỊ

Để khắc phục những tồn tại của chương trình đào tạo, Hội đồng Kiểm định

chất lượng giáo dục kiến nghị Trường Đại học Nha Trang cần cải tiến chất lượng theo các nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát các quy định, công cụ khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đảm bảo thu thập được thông tin phù hợp và chính xác phục vụ phát triển CTĐT; cập nhật định hướng đào tạo (ứng dụng) trong phát biểu mục tiêu của CTĐT; rà soát, điều chỉnh và biểu đạt lại các chuẩn đầu ra của CTĐT bám sát đầy đủ các yêu cầu về kiến thức, về kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; xem xét việc bổ sung chuẩn đầu ra về kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác; bổ sung kỹ năng chuyển đổi số vào chuẩn đầu ra của CTĐT; tăng thêm số lượng và đối tượng các bên liên quan trong khảo sát ý kiến về chuẩn đầu ra của CTĐT; đa dạng hóa các phương thức truyền thông để thu hút sự quan tâm của các bên liên quan nhằm thu thập thông tin đa chiều phục vụ cho việc điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KTCK đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

2. Rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT đảm bảo nhất quán, thể hiện rõ nét trọng tâm và tính cập nhật; gắn kết phương pháp dạy học vào từng chương/mục cụ thể nhằm giúp giảng viên và sinh viên có sự chuẩn bị tốt hơn theo các yêu cầu của mỗi bài giảng, kiểm tra đánh giá bài bản hơn về yêu cầu tự học, tự nghiên cứu của sinh viên; phân nhiệm thời lượng và kiểm tra đánh giá phân tự học; khảo sát ý kiến các bên liên quan về mức độ công khai, khả năng tiếp cận dễ dàng và thuận tiện bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần để có biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng truyền thông.

3. Bổ sung các học phần liên quan về công nghệ mới, tăng thời lượng thực hành, giảm thời lượng học lý thuyết, tăng thời gian thực tập thực tế, trải nghiệm tại doanh nghiệp, phối hợp tổ chức đào tạo với doanh nghiệp, đẩy mạnh thực hành về thiết kế 3D; rà soát và xác định chính xác mức độ đóng góp của từng học phần vào việc hình thành mỗi chuẩn đầu ra của CTĐT; tích hợp các học phần ít tín chỉ vào nhóm chuyên môn phù hợp, chỉnh sửa lại bảng ma trận chuẩn đầu ra học phần trong từng đề cương chi tiết học phần để đảm bảo mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra học phần trong bảng ma trận học phần và bảng ma trận chuẩn đầu ra CTĐT; thực hiện đối sánh CTĐT có nghiên cứu sâu các nội dung về kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong mỗi học phần, chuẩn đầu ra của từng học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá của từng học phần để tạo lập cơ sở điều chỉnh và hoàn thiện các học phần thuộc CTĐT ngành KTCK của Trường.

4. Công bố Triết lý giáo dục trên trang thông tin điện tử của Trường để thu hút được sự chú ý của các bên liên quan; huy động các lực lượng khác nhau để truyền thông quảng bá, lan tỏa Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục; đa dạng hóa các phương thức truyền thông để dễ dàng truyền tải được Mục tiêu giáo dục và Triết lý giáo dục của Trường tới các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng và các tổ chức xã hội liên quan; định kỳ tổ chức các hội thảo về các phương pháp/kỹ năng giảng dạy, các phương pháp đánh giá học phần để thu hút được đông đảo các chuyên gia và các cán bộ, giảng viên tham gia và chia sẻ những kinh nghiệm hay, phù hợp với các học phần của ngành KTCK và tổ chức tổng kết đánh

giá về tác động của các phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá để đúc rút kinh nghiệm chung; định kỳ hằng năm tổ chức seminar hoặc các khóa tập huấn cho giảng viên về các phương pháp giảng dạy hướng đến việc đạt được chuẩn đầu ra và kỹ năng áp dụng công nghệ dạy học hiện đại để tích cực hóa người học, giúp người học tiếp thu bài giảng hiệu quả hơn; tăng cường các phương pháp dạy học hiện đại như: Dạy theo dự án, bổ sung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu và đánh giá tự học trong đề cương chi tiết học phần giúp sinh viên có khả năng học tập suốt đời.

5. Ban hành tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra đánh giá để thuận lợi trong triển khai thực hiện; ban hành quy định về việc hằng năm định kỳ tổ chức rà soát, định lượng phân tích và đánh giá các phương thức thi/các đề thi của từng học phần và đối sánh giữa các năm học để có cơ sở; ban hành quy định chặt chẽ và chi tiết hơn đối với công tác ra đề thi/câu hỏi thi, chấm thi cũng như việc quản lý, kiểm tra giám sát, nhất là công tác hậu kiểm để công tác kiểm tra đánh giá học phần đảm bảo tính khách quan, công bằng đúng quy định; xây dựng quy trình/tài liệu hướng dẫn đánh giá, phân tích câu hỏi thi, đề thi, kết quả thi, hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng (đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy); rà soát quy định và công cụ khảo sát để thu thập được thông tin cần thiết; hoàn thiện lại thang đo của phiếu khảo sát để đảm bảo các thông tin được lượng hóa trên một thang đo chuẩn xác; bổ sung mô-đun phần mềm về chức năng tiếp nhận đơn phúc khảo của sinh viên để giúp việc khiếu nại kết quả học tập của sinh viên thuận tiện hơn.

6. Rà soát chính sách phát triển, chính sách thu hút, đãi ngộ, giảng viên, nghiên cứu viên để thu hút được giảng viên, nghiên cứu viên có chức danh khoa học và có trình độ tiến sĩ; tuyển dụng sinh viên xuất sắc làm trợ giảng, tạo nguồn cho đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa; điều chỉnh quy định về khối lượng công việc của giảng viên, nghiên cứu viên tạo động lực cho nghiên cứu khoa học, xác định khối lượng phục vụ cộng đồng tối thiểu cho từng chức danh, học vị tương tự như giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học; rà soát, điều chỉnh tiêu chí tuyển dụng để có thể tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc làm trợ giảng, cử đi đào tạo ở nước ngoài, trở về làm giảng viên, nghiên cứu viên cho Khoa; xây dựng, ban hành bộ chỉ số đánh giá năng lực, đánh giá kết quả thực hiện của giảng viên, nghiên cứu viên làm cơ sở đánh giá đầy đủ năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; khảo sát lấy ý kiến giảng viên, nghiên cứu viên về nội dung, chất lượng, thời gian của các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức đánh giá hiệu quả nâng cao; đa dạng hoá loại hình nghiên cứu khoa học, triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực thiết kế, phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy và học và phương pháp kiểm tra đánh giá; thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nâng cao số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ/tỉnh.

7. Tăng cường số lượng và chất lượng các khảo sát về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên và sử dụng kết quả khảo sát để phân tích dự báo, tuyển dụng, đánh giá năng lực, thi đua - khen thưởng, đào tạo bồi dưỡng; nghiên cứu để có chính sách và hình thức truyền thông tốt hơn nữa để thu hút nguồn nhân lực chất

lượng cao; cần có thêm các tiêu chí định lượng để đo lường chính xác, công bằng hơn năng lực của từng vị trí nhân viên; phân tích, đánh giá hiệu quả về đào tạo, bồi dưỡng để cải thiện, nâng cao hiệu quả cũng như chất lượng đội ngũ nhân viên; cần có các khảo sát định kỳ về mức độ hài lòng của nhân viên đối với công tác quản lý, đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng hàng năm dựa trên kết quả công việc.

8. Xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng công tác quảng bá tuyển sinh, các hoạt động hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông của các tỉnh ngoài tỉnh Khánh Hoà, thúc đẩy sự tham gia chủ động của các khoa chuyên môn trong các hoạt động tư vấn tuyển sinh; tổ chức thu thập sự góp ý của các bên liên quan ngoài trường về công tác tuyển sinh; xác định các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học riêng cho ngành KTCK nhằm phát huy được thế mạnh của ngành; triển khai thực hiện chỉnh sửa, bổ sung sớm các văn bản được ban hành đã lâu, chưa được Nhà trường thực hiện chỉnh sửa, bổ sung; tăng cường ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin cho cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học để kịp thời có giải pháp giúp người học cải thiện kết quả học tập; xây dựng Kế hoạch cải tiến công tác cố vấn học tập cụ thể sau mỗi Hội nghị tổng kết công tác cố vấn học tập nhằm nâng cao hiệu quả cho hoạt động tư vấn học tập, ngoại khoá, thi đua; tổ chức Hội nghị/Hội thảo phân tích, đánh giá tính hiệu quả các hoạt động tư vấn việc làm cho người học; ký kết các hợp đồng dịch vụ tập trung để thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát; cần có giải pháp/cơ chế nâng cao hiệu quả xử lý theo kết luận của các Tổ kiểm tra.

9. Lập kế hoạch rà soát thiết bị tại một số giảng đường cũ để có kế hoạch nâng cấp, sửa chữa và cải thiện tốc độ đường truyền internet; rà soát toàn bộ phân tài liệu trong đề cương học phần để có kế hoạch viết, mua bổ sung, cập nhật nguồn học liệu đảm bảo cho sinh viên có đủ và cập nhật phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học đảm bảo theo hướng dẫn tại Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021 về quy định biên soạn, lựa chọn thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học; rà soát, đánh giá các thiết bị thực hành, thí nghiệm cho ngành đào tạo KTCK và có lộ trình đầu tư các thiết công nghệ cao và chuyên sâu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng với Sứ mạng và Tầm nhìn đã đặt ra; có kế hoạch cải tạo một số lối đi vào giảng đường, nhà làm việc cũ đảm bảo với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học cùng chuyên ngành ở ngoài cơ sở giáo dục khi xây dựng/rà soát CTĐT; ban hành quy định về rà soát, đánh giá các quy trình thiết kế, phát triển CTĐT và quy định về rà soát hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá; thực hiện hoạt động dự giảng, bình giảng thường xuyên hơn làm cơ sở đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên; xem xét cải tiến phiếu đánh giá giảng dạy cho phù hợp hơn; có chính sách khuyến khích giảng viên nghiên cứu về phát triển chương trình dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; lấy ý kiến giảng viên đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường như Thư viện, công nghệ thông tin, Trạm y tế...; ban hành quyết định thành lập, quy chế hoạt động của các tổ Đảm bảo chất lượng bên trong của các Khoa/Viện để nâng cao chất lượng thực hiện hoạt động của hệ thống đảm

bảo chất lượng bên trong của Trường.

11. Quan tâm thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có CTĐT tiên tiến tương ứng về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học; trên cơ sở đó xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp giúp người học thực hiện hiệu quả khả năng tốt nghiệp đúng thời hạn học tập; xây dựng tiêu chí, quy trình lựa chọn các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước có cùng CTĐT để mở rộng đối tượng đối sánh, trong đó có hoạt động đối sánh tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm cùng CTĐT; chú trọng tăng cường liên kết, hợp tác với các bên liên quan, các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu để tạo nhiều cơ hội cho sinh viên triển khai nghiên cứu khoa học, phục vụ xã hội, cải tiến chất lượng và nâng cao số lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên; xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hằng năm đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ dựa trên cơ sở dữ liệu của hoạt động đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động này.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long với 11 nhóm giải pháp, Trường Đại học Nha Trang cần nghiên cứu kỹ các nhóm giải pháp này cùng với Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Kỹ thuật cơ khí, trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Trường Đại học Nha Trang cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.